

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú và học viên bán trú theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2025 - 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SÍN THẦU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Thông tư 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú;

Căn cứ Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và các cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng các chính sách;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 Nghị định quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện về UBND cấp xã sau sắp xếp quản lý;

Căn cứ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc quy định về khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 3808/UBND-KT ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ủy quyền hướng dẫn UBND cấp xã quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã;

Xét Tờ trình số 69/TTr-VHXXH ngày 20/10/2025 của Phòng Văn hóa - Xã hội và Tờ trình số 20/TTr-KT, ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú và học viên bán trú theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2025 - 2026 với nội dung như sau:

1. Tổng số học sinh xét duyệt: 748 học sinh.
2. Đối tượng: Học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực thôn bản khó khăn theo Nghị định 66/NĐ-CP ngày 12/3/2025.
3. Thời gian hỗ trợ: 9 tháng.
4. Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ đối với trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú và học viên bán trú theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ là: **5.807.016.000 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ tám trăm linh bảy triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

(Có danh sách kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: Dự toán chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo hàng năm.

6. Đơn vị tổ chức thực hiện: Các đơn vị trường trên địa bàn xã Sín Thầu.

Điều 2. Các trường trên địa bàn xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - xã hội; Hiệu trưởng các trường trên địa bàn xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- LĐ. UBND xã;
- Các trường trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thùy Giang

DANH SÁCH, KINH PHÍ CHẾ ĐỘ HỌC SINH BÁN TRÚ NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 357/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Sín Thầu)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
I. Trường Mầm non Sen Thượng					55.080.000	
1	Toán Thảo Nhi	27/01/2023	360.000	9	3.240.000	
2	Mào Đức Tuấn	19/01/2023	360.000	9	3.240.000	
3	Nông Duy Thành	25/04/2023	360.000	9	3.240.000	
4	Toán Minh Thư	03/06/2023	360.000	9	3.240.000	
5	Pờ Đại Phong	29/06/2023	360.000	9	3.240.000	
6	Pờ Thanh Duy	28/05/2023	360.000	9	3.240.000	
7	Sùng Tiến Cường	19/03/2023	360.000	9	3.240.000	
4	Lừ Lan Anh	19/07/2023	360.000	9	3.240.000	
9	Lầu Công Hiếu	26/10/2023	360.000	9	3.240.000	
10	Pờ Nam Khánh	09/02/2023	360.000	9	3.240.000	
11	Khoảng Linh Đan	01/11/2023	360.000	9	3.240.000	
12	Lý Thùy Dương	25/09/2023	360.000	9	3.240.000	
13	Pờ Việt Anh	19/10/2023	360.000	9	3.240.000	
14	Sào Bảo Linh	30/03/2023	360.000	9	3.240.000	
15	Toán Nhật Minh	21/03/2024	360.000	9	3.240.000	
16	Pờ Ngọc Lan	31/03/2024	360.000	9	3.240.000	
17	Chu Thị Kim Phương	04/07/2024	360.000	9	3.240.000	
II. Trường Mầm non Sín Thầu					55.080.000	
1	Khoảng Lý Việt Long	08/09/2023	360.000	9	3.240.000	
2	Lý Phúc Khang	07/04/2023	360.000	9	3.240.000	
3	Pờ Thanh Trúc	02/02/2024	360.000	9	3.240.000	
4	Phùng Hồng Nhung	27/08/2023	360.000	9	3.240.000	
5	Đặng Thư Anh	19/12/2023	360.000	9	3.240.000	
6	Lý Đức Anh	22/12/2023	360.000	9	3.240.000	
7	Lò Trung Hiếu	12/03/2023	360.000	9	3.240.000	
8	Khoảng Gia Khiêm	21/01/2023	360.000	9	3.240.000	
9	Sùng Pờ Thảo Phương	25/04/2023	360.000	9	3.240.000	
10	Thàng Đức Duy	24/01/2023	360.000	9	3.240.000	
11	Sào Khánh Huy	14/03/2023	360.000	9	3.240.000	
12	Pờ Bảo Trâm	16/10/2023	360.000	9	3.240.000	
13	Lý Bảo Ngọc	10/01/2023	360.000	9	3.240.000	
14	Thàng Xuân Đông	24/12/2023	360.000	9	3.240.000	
15	Lý Quang Minh	21/02/2023	360.000	9	3.240.000	
16	Lò Trúc Lam	29/03/2024	360.000	9	3.240.000	
17	Lý Minh Vân	28/01/2024	360.000	9	3.240.000	
III. TRƯỜNG MẦM NON LÊNG SU SÍN					196.920.000	
1	Sùng Xuân Phúc	22/01/2023	360.000	9	3.240.000	
2	Sinh Văn Khoa	20/03/2023	360.000	9	3.240.000	
3	Bùi Minh Châu	06/05/2023	360.000	9	3.240.000	
4	Hạng Văn Chung	12/01/2023	360.000	9	3.240.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
5	Phàn Văn Dương	16/04/2023	360.000	9	3.240.000	
6	Giàng Thành Long	22/04/2023	360.000	9	3.240.000	
7	Sùng Nguyên Lý	17/04/2023	360.000	9	3.240.000	
8	Thào Đức Huy	26/12/2023	360.000	9	3.240.000	
9	Lầu Bì Gia Mi	27/12/2023	360.000	9	3.240.000	
10	Giàng Ngọc An	22/6/2023	360.000	9	3.240.000	
11	Sùng Diệu Ninh	30/08/2023	360.000	9	3.240.000	
12	Vừ Sinh Thái	13/01/2023	360.000	9	3.240.000	
13	Giàng Tiểu Uyên	12/11/2023	360.000	9	3.240.000	
14	Thào Thị Bích Nhi	29/09/2023	360.000	9	3.240.000	
15	Hoàng Thế Mạnh	01/01/2023	360.000	9	3.240.000	
16	Lục Trúc Quỳnh	03/07/2023	360.000	9	3.240.000	
17	Chang Thanh Vân	19/06/2023	360.000	9	3.240.000	
18	Lê Duy Thiên Mỹ	11/09/2023	360.000	9	3.240.000	
19	Hoàng Ý Nhi	21/11/2023	360.000	9	3.240.000	
20	Từ Ánh Vy	24/12/2023	360.000	9	3.240.000	
21	Trương Vy Yến	27/12/2023	360.000	9	3.240.000	
22	Lý Phương Oanh	05/01/2024	360.000	9	3.240.000	
23	Giàng A Tiếng Anh	17/02/2023	360.000	9	3.240.000	
24	Sùng Đức Dũng	02/06/2023	360.000	9	3.240.000	
25	Sùng A Duy	23/10/2023	360.000	9	3.240.000	
26	Vừ Xấu Gioăng	18/01/2023	360.000	9	3.240.000	
27	Sùng Minh Hiếu	08/12/2023	360.000	9	3.240.000	
28	Vàng A Hoàng	03/02/2023	360.000	9	3.240.000	
29	Giàng A Bảo Hồng	04/06/2023	360.000	9	3.240.000	
30	Sùng Văn Đà	08/10/2023	360.000	9	3.240.000	
31	Hoàng A Kỳ	21/04/2023	360.000	9	3.240.000	
32	Vàng Quân Mạnh	02/02/2023	360.000	9	3.240.000	
33	Giàng Thị Hồng Ân	12/09/2023	360.000	9	3.240.000	
34	Vừ Thị Dụ	18/01/2023	360.000	9	3.240.000	
35	Vàng Thị Dung	10/10/2023	360.000	9	3.240.000	
36	Tráng Thị Hoa	08/09/2023	360.000	9	3.240.000	
37	Vừ Thị Lan Hương	16/01/2023	360.000	9	3.240.000	
38	Vừ Hoa Ngọc Lan	07/12/2023	360.000	9	3.240.000	
39	Cư Thị Linh	22/01/2023	360.000	9	3.240.000	
40	Giàng Ngọc Chi	09/9/2023	360.000	9	3.240.000	
41	Giàng A Hồng	02/8/2023	360.000	9	3.240.000	
42	Vàng Thị Mờ	27/11/2023	360.000	9	3.240.000	
43	Giàng Na Ny	28/08/2023	360.000	9	3.240.000	
44	Vàng Thị Mi Nam	04/03/2023	360.000	9	3.240.000	
45	Vừ Thị Ngọc Vân	12/01/2023	360.000	9	3.240.000	
46	Và Bảo Vi	16/01/2023	360.000	9	3.240.000	
47	Vừ Thị Sơ	31/08/2023	360.000	9	3.240.000	
48	Hoàng Thị Thương	28/03/2023	360.000	9	3.240.000	
49	Giàng Ngọc Phương	14/10/2023	360.000	9	3.240.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
50	Vàng Thanh Nhã	13/07/2023	360.000	9	3.240.000	
51	Vừ Thị Kim Ngân	23/09/2023	360.000	9	3.240.000	
52	Vàng Mạnh Thắng	01/07/2023	360.000	9	3.240.000	
53	Sùng A Trần Văn	08/08/2023	360.000	9	3.240.000	
54	Vàng Na Xi	10/01/2023	360.000	9	3.240.000	
55	Vừ A Dơ	22/03/2023	360.000	9	3.240.000	
56	Vừ A Lữ	11/10/2023	360.000	9	3.240.000	
57	Sùng A Mạnh	12/08/2023	360.000	9	3.240.000	
58	Giàng Văn Phước	29/06/2023	360.000	9	3.240.000	
59	Vàng Xuân Mai	20/06/2023	360.000	9	3.240.000	
60	Lù Thị Si	26/12/2023	360.000	8	2.880.000	
61	Hoàng Thị Đề Sinh	11/02/2023	360.000	8	2.880.000	
IV. TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SÍN THẦU					960.336.000	
1	Toán Toán Vinh	01/10/2019	936.000	10	9.360.000	
2	Chảo Chừ Linh	9/10/2019	936.000	10	9.360.000	
3	Giàng Sinh Hùng	26/2/2018	936.000	9	8.424.000	
4	Lò Viện Lan	26/11/2018	936.000	9	8.424.000	
5	Chảo Văn Đức	10/9/2018	936.000	9	8.424.000	
6	Quảng Tuấn Anh	16/2/2017	936.000	9	8.424.000	
7	Kiên Sơn Thành	13/8/2017	936.000	9	8.424.000	
8	Chang Minh Tuấn	11/3/2017	936.000	9	8.424.000	
9	Phùng Quang Huy	03/12/2017	936.000	9	8.424.000	
10	Đặng Đức Phúc	15/11/2017	936.000	9	8.424.000	
11	Giàng Xê Po	12/6/2017	936.000	9	8.424.000	
12	Chu Thanh Lan	26/2/2017	936.000	9	8.424.000	
13	Vàng Thị Phương Nhung	20/9/2017	936.000	9	8.424.000	
14	Lò Thị Hương	06/2/2017	936.000	9	8.424.000	
15	Chang Văn Thành	12/9/2017	936.000	9	8.424.000	
16	Quảng Xuân Thắng	04/4/2017	936.000	9	8.424.000	
17	Lý Ngọc Mai	01/06/2017	936.000	9	8.424.000	
18	Lý Huy Quang	14/2/2016	936.000	9	8.424.000	
19	Khoảng Tiến Hùng	15/1/2016	936.000	9	8.424.000	
20	Mạ Vũ Huy Hoàng	01/10/2016	936.000	9	8.424.000	
21	Chu Minh Khai	03/6/2016	936.000	9	8.424.000	
22	Sùng Thị Trúc Linh	25/5/2016	936.000	9	8.424.000	
23	Mạ Tế Linh	06/4/2016	936.000	9	8.424.000	
24	Lý Thanh Sơn	19/10/2016	936.000	9	8.424.000	
25	Khoảng Thiên Tuấn	14/6/2016	936.000	9	8.424.000	
26	Chang Hồng Duyên	04/1/2016	936.000	9	8.424.000	
27	Lò Sơn Thành	15/6/2016	936.000	9	8.424.000	
28	Sào Sơn Phúc	2/2/2016	936.000	9	8.424.000	
29	Pờ Tuấn Anh	17/1/2016	936.000	9	8.424.000	
30	Chang My Hà	15/2/2016	936.000	9	8.424.000	
31	Mạ Thị Lê Dung	11/10/2015	936.000	9	8.424.000	
32	Chu Phương Hoa	11/8/2015	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
33	Sào Giang Nu	26/6/2015	936.000	9	8.424.000	
34	Sùng Mai Phương	03/7/2015	936.000	9	8.424.000	
35	Khoảng Tế Phương Lăng	25/8/2015	936.000	9	8.424.000	
36	Toán Xó Ly	18/06/2015	936.000	9	8.424.000	
37	Chang Bê Hừ	04/01/2015	936.000	9	8.424.000	
38	Lý Ngọc Hương	03/08/2015	936.000	9	8.424.000	
39	Lý Tế Ngọc	04/11/2015	936.000	9	8.424.000	
40	Giàng Phương Thành	11/06/2015	936.000	9	8.424.000	
41	Lò Tuấn Anh	28/4/2014	936.000	9	8.424.000	
42	Lò Tuấn Hưng	28/02/2014	936.000	9	8.424.000	
43	Giàng Thị Nhung	28/6/2014	936.000	9	8.424.000	
44	Giàng Tế Công	04/02/2014	936.000	9	8.424.000	
45	Kiên Sơn Đạt	01/01/2014	936.000	9	8.424.000	
46	Phùng Phương Linh	10/11/2014	936.000	9	8.424.000	
47	Lò Văn Minh	01/10/2014	936.000	9	8.424.000	
48	Khoảng Tiến Thành	04/11/2014	936.000	9	8.424.000	
49	Mạ Hừ Lự	14/8/2014	936.000	9	8.424.000	
50	Chu Phương Nghi	16/01/2014	936.000	9	8.424.000	
51	Lường Mạnh Quân	08/11/2014	936.000	9	8.424.000	
52	Chang Chủy Thành	16/11/2014	936.000	9	8.424.000	
53	Lý Ly Phương	30/10/2014	936.000	9	8.424.000	
54	Sào Xó Sơn	18/11/2014	936.000	9	8.424.000	
55	Lý Thị Phương	17/02/2014	936.000	9	8.424.000	
56	Chang Lâm Sơn	01/7/2014	936.000	9	8.424.000	
57	Sùng Ngọc Thủy	04/9/2014	936.000	9	8.424.000	
58	Mạ Thành Vinh	03/12/2014	936.000	9	8.424.000	
59	Lý Tế Hừ	09/02/2014	936.000	9	8.424.000	
60	Chào Tiến Công	29/12/2013	936.000	9	8.424.000	
61	Lý Thành Đạt	28/10/2013	936.000	9	8.424.000	
62	Khoảng Minh Thanh	15/9/2013	936.000	9	8.424.000	
63	Chu Trung Khánh	05/6/2013	936.000	9	8.424.000	
64	Lý Thanh Dung	09/12/2013	936.000	9	8.424.000	
65	Chu Thị Ái Linh	21/3/2013	936.000	9	8.424.000	
66	Mạ Bích Thủy	21/10/2013	936.000	9	8.424.000	
67	Vù Phương Thúy	09/4/2013	936.000	9	8.424.000	
68	Vàng Ha Xó	27/6/2013	936.000	9	8.424.000	
69	Lý Minh Dương	01/5/2013	936.000	9	8.424.000	
70	Lý Cà Xuân	27/3/2013	936.000	9	8.424.000	
71	Sùng Tế Nu	03/02/2013	936.000	9	8.424.000	
72	Toán Xá De	17/5/2013	936.000	9	8.424.000	
73	Pờ Xá Pơ	09/01/2013	936.000	9	8.424.000	
74	Lò Thị Ngọc Uyên	27/3/2012	936.000	9	8.424.000	
75	Sùng Mai Hải	16/6/2012	936.000	9	8.424.000	
76	Chang Thu Hà	05/5/2012	936.000	9	8.424.000	
77	Chang Ngọc Linh	26/5/2012	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
78	Lý Truý Thành	30/7/2012	936.000	9	8.424.000	
79	Mạ Thành Trung	12/12/2012	936.000	9	8.424.000	
80	Pờ Lê Truý	17/12/2012	936.000	9	8.424.000	
81	Mạ Thị Lê Vân	03/11/2012	936.000	9	8.424.000	
82	Chang Lân Vũ	30/7/2012	936.000	9	8.424.000	
83	Chang Chi Xuân	06/01/2012	936.000	9	8.424.000	
84	Sùng Khả De	18/9/2012	936.000	9	8.424.000	
85	Mạ Khoá Gỏi	16/10/2012	936.000	9	8.424.000	
86	Quảng Thanh Hoa	01/12/2012	936.000	9	8.424.000	
87	Vù Quang Huy	08/12/2012	936.000	9	8.424.000	
88	Mạ Đợ Phù	16/4/2012	936.000	9	8.424.000	
89	Giàng Phương Lan	15/10/2012	936.000	9	8.424.000	
90	Mạ Nhù Pứ	04/12/2012	936.000	9	8.424.000	
91	Lý Ly Sơn	26/4/2012	936.000	9	8.424.000	
92	Lý Minh Hiếu	22/10/2012	936.000	9	8.424.000	
93	Sào Thị Hương	12/01/2012	936.000	9	8.424.000	
94	Lý Phú Anh	05/11/2011	936.000	9	8.424.000	
95	Vù May Hoa	22/11/2011	936.000	9	8.424.000	
96	Lý Lễ Nu	02/12/2011	936.000	9	8.424.000	
97	Mạ Trang Quang	21/9/2011	936.000	9	8.424.000	
98	Sào Go Thắng	06/4/2011	936.000	9	8.424.000	
99	Mạ Len Na	05/01/2011	936.000	9	8.424.000	
100	Lý Tư Ly	04/12/2011	936.000	9	8.424.000	
101	Lý Minh Đại	24/9/2011	936.000	9	8.424.000	
102	Lý Té Phương	01/5/2011	936.000	9	8.424.000	
103	Giàng Thanh Bình	01/01/2011	936.000	9	8.424.000	
104	Khoảng Minh Ngọc	10/01/2011	936.000	9	8.424.000	
105	Chang Lê Trinh	25/11/2011	936.000	9	8.424.000	
106	Đặng Thị Tuyết	03/9/2011	936.000	9	8.424.000	
107	Lý Ái Liên	04/7/2011	936.000	9	8.424.000	
108	Giàng Lên Mí	08/05/2011	936.000	9	8.424.000	
109	Sào Diệu Linh	21/12/2011	936.000	9	8.424.000	
110	Lý Diệu Linh	13/3/2011	936.000	9	8.424.000	
111	Lý Duy Toàn	11/09/2017	936.000	9	8.424.000	
112	Lý Ngọc Hiền	11/06/2012	936.000	9	8.424.000	
113	Pờ Xuân Tú	11/03/2015	936.000	8	7.488.000	
114	Pờ Yến Xuân	04/02/2013	936.000	8	7.488.000	
V. TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SEN THƯỢNG					530.712.000	
1	Sùng Việt Thanh	24/4/2019	936.000	9	8.424.000	
2	Khoảng Sơn Mé	19/9/2019	936.000	9	8.424.000	
3	Khoảng Khánh Minh	19/02/2019	936.000	9	8.424.000	
4	Lý Lý Tư	13/4/2019	936.000	9	8.424.000	
5	Hà Văn Huy	06/01/2018	936.000	9	8.424.000	
6	Khoảng Thị Ánh Nhi	23/12/2018	936.000	9	8.424.000	
7	Khoảng Xuân Khánh	14/9/2018	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
8	Sào Hừ San	26/8/2018	936.000	9	8.424.000	
9	Khoảng Thị Vân	28/10/2018	936.000	9	8.424.000	
10	Hà Thuỷ Linh	08/7/2018	936.000	9	8.424.000	
11	Lý Xá Chung	29/4/2018	936.000	9	8.424.000	
12	Lý Tiến Mạnh	20/8/2018	936.000	9	8.424.000	
13	Vàng Thị Minh Phương	21/4/2018	936.000	9	8.424.000	
14	Lý Thanh Phương	29/9/2017	936.000	9	8.424.000	
15	Toán Yến Nhi	21/5/2017	936.000	9	8.424.000	
16	Su Văn Cảnh	26/6/2017	936.000	9	8.424.000	
17	Lý Lòng Mé	21/8/2017	936.000	9	8.424.000	
18	Khoảng Thu Phương	03/7/2017	936.000	9	8.424.000	
19	Sào Tề Quân	21/3/2017	936.000	9	8.424.000	
20	Lý Viện Hà	28/4/2016	936.000	9	8.424.000	
21	Khoảng Trung Hoa	16/01/2016	936.000	9	8.424.000	
22	Sào Phương Lan	12/02/2016	936.000	9	8.424.000	
23	Chảo Thị Thu Lan	26/10/2016	936.000	9	8.424.000	
24	Chang Hải Long	08/8/2016	936.000	9	8.424.000	
25	Pờ Hoa Nu	07/9/2016	936.000	9	8.424.000	
26	Khoảng Xe Thành	05/7/2016	936.000	9	8.424.000	
27	Khoảng Việt Thảo	10/12/2016	936.000	9	8.424.000	
28	Vàng Thị Minh Tuyết	04/01/2016	936.000	9	8.424.000	
29	Khoảng Đức Việt	14/02/2016	936.000	9	8.424.000	
30	Lý Lý Xê	24/9/2016	936.000	9	8.424.000	
31	Pờ Viện Ninh	05/10/2016	936.000	9	8.424.000	
32	Tông Thị Dung	08/05/2015	936.000	9	8.424.000	
33	Khoảng Thị Hoa	05/12/2015	936.000	9	8.424.000	
34	Chang Thịnh Huyền	03/12/2015	936.000	9	8.424.000	
35	Lý Thanh Thủy	28/11/2015	936.000	9	8.424.000	
36	Lý Chùy Xá	26/11/2015	936.000	9	8.424.000	
37	Pờ Thanh Bình	09/10/2014	936.000	9	8.424.000	
38	Toán Tư De	12/8/2014	936.000	9	8.424.000	
39	Khoảng Đức Mạnh	18/6/2014	936.000	9	8.424.000	
40	Pờ Hoa Minh	07/9/2014	936.000	9	8.424.000	
41	Chang Duy Phương	18/7/2014	936.000	9	8.424.000	
42	Phùng Gô Thà	24/02/2014	936.000	9	8.424.000	
43	Pờ Phạ Hoa	21/01/2013	936.000	9	8.424.000	
44	Lý Chá Hừ	27/5/2013	936.000	9	8.424.000	
45	Vì Năm Anh Quốc	30/8/2013	936.000	9	8.424.000	
46	Hà Hằng Nga	07/12/2013	936.000	9	8.424.000	
47	Pờ Văn Khánh	16/01/2013	936.000	9	8.424.000	
48	Khoảng Đức Trung	31/7/2013	936.000	9	8.424.000	
49	Chảo Go Thu	15/12/2013	936.000	9	8.424.000	
50	Chang Lé Cà	21/10/2012	936.000	9	8.424.000	
51	Pờ Chùy Hoa	18/5/2012	936.000	9	8.424.000	
52	Lý Cà Tiến	28/11/2012	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
53	Lý Chúy Tư	12/2/2012	936.000	9	8.424.000	
54	Lý Biên Cường	19/02/2012	936.000	9	8.424.000	
55	Lý Văn Long	01/9/2012	936.000	9	8.424.000	
56	Lý Thị Mai	01/9/2012	936.000	9	8.424.000	
57	Su Go Mai	09/10/2012	936.000	9	8.424.000	
58	Su Go Hoa	04/5/2011	936.000	9	8.424.000	
59	Lý Tiến Hoa	07/9/2011	936.000	9	8.424.000	
60	Pờ Sinh Quang	16/7/2011	936.000	9	8.424.000	
61	Khoảng Thị Liên	30/11/2011	936.000	9	8.424.000	
62	Toán Phù Sơn	25/12/2011	936.000	9	8.424.000	
63	Chang Xó Ly	20/7/2011	936.000	9	8.424.000	
VI. TRƯỜNG PTDTBT TH Leng Su Sin					2.156.544.000	
1	Khoảng Văn Bình	05/10/2019	936.000	9	8.424.000	
2	Chu Xuân Khanh	22/3/2019	936.000	9	8.424.000	
3	Kiên Hà Linh	04/8/2019	936.000	9	8.424.000	
4	Khoảng Ngọc Quỳnh	25/9/2019	936.000	9	8.424.000	
5	Sùng Văn Phước	16/7/2019	936.000	9	8.424.000	
6	Sùng Hải Quân	10/8/2019	936.000	9	8.424.000	
7	Sinh Hoàn Vĩnh	29/10/2019	936.000	9	8.424.000	
8	Lùng Thiên Hùng	28/01/2019	936.000	9	8.424.000	
9	Thào Thị Hoa	01/12/2018	936.000	9	8.424.000	
10	Sùng Thị Như	12/11/2018	936.000	9	8.424.000	
11	Vù Minh Ngọc	15/01/2018	936.000	9	8.424.000	
12	Kiên Việt Cường	25/03/2018	936.000	9	8.424.000	
13	Sinh Thị Câu	09/10/2017	936.000	9	8.424.000	
14	Sùng Thị Dai	02/04/2017	936.000	9	8.424.000	
15	Khoảng Việt Đông	07/11/2017	936.000	9	8.424.000	
16	Lý Văn Hiếu	04/01/2017	936.000	9	8.424.000	
17	Trương Tuấn Hưng	12/04/2017	936.000	9	8.424.000	
18	Giảng Đức Quang	19/04/2017	936.000	9	8.424.000	
19	Sinh Thị Thơ	27/09/2017	936.000	9	8.424.000	
20	Thào Thị Xứ	12/02/2017	936.000	9	8.424.000	
21	Lùng Thiên Phong	06/12/2017	936.000	9	8.424.000	
22	Sùng A Khiêm	29/04/2016	936.000	9	8.424.000	
23	Sùng Thị Điện	13/10/2014	936.000	9	8.424.000	
24	Vừ Thị Bầu	11/12/2017	936.000	9	8.424.000	
25	Vừ Thị Bí	23/03/2017	936.000	9	8.424.000	
26	Vàng A Cương	25/08/2017	936.000	9	8.424.000	
27	Vừ A Chua	07/01/2017	936.000	9	8.424.000	
28	Thào Thị Chua	12/09/2017	936.000	9	8.424.000	
29	Vàng Xuân Dĩnh	18/08/2017	936.000	9	8.424.000	
30	Giảng Thị Dia	27/08/2017	936.000	9	8.424.000	
31	Giảng Thị Hoa	23/01/2017	936.000	9	8.424.000	
32	Sùng Thị Huyền	06/01/2017	936.000	9	8.424.000	
33	Vừ Quang Khánh	10/05/2017	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
34	Vàng Duy Khiên	17/08/2017	936.000	9	8.424.000	
35	Vừ Thị Púa	27/07/2017	936.000	9	8.424.000	
36	Vừ Nhân Phi	18/02/2017	936.000	9	8.424.000	
37	Sùng A Phình	15/01/2017	936.000	9	8.424.000	
38	Vàng Thị Sao	23/11/2017	936.000	9	8.424.000	
39	Sùng Thị Sinh	20/06/2017	936.000	9	8.424.000	
40	Giàng Hùng Sơn	05/01/2017	936.000	9	8.424.000	
41	Vừ Duy Vi	02/06/2017	936.000	9	8.424.000	
42	Cứ Thị Xuân	13/10/2017	936.000	9	8.424.000	
43	Hạng Thị Diện	21/03/2017	936.000	9	8.424.000	
44	Sùng Thị Dưa	21/02/2017	936.000	9	8.424.000	
45	Sùng A Hào	07/08/2017	936.000	9	8.424.000	
46	Giàng A Hải	29/04/2017	936.000	9	8.424.000	
47	Vàng Thị Hương	06/11/2017	936.000	9	8.424.000	
48	Vừ A Kỳ	28/12/2017	936.000	9	8.424.000	
49	Vù Thành Lâm	08/01/2017	936.000	9	8.424.000	
50	Lý Xê Linh	22/05/2017	936.000	9	8.424.000	
51	Hoàng Tiến Phước	14/12/2017	936.000	9	8.424.000	
52	Pờ Trọng Tuấn	10/09/2017	936.000	9	8.424.000	
53	Lê Thanh Hà	01/02/2017	936.000	9	8.424.000	
54	Sùng Thị Vinh	07/04/2017	936.000	9	8.424.000	
55	Chào Xuân Hinh	22/01/2017	936.000	9	8.424.000	
56	Và Thị Bầu	27/09/2017	936.000	9	8.424.000	
57	Sùng Chí Bình	01/02/2017	936.000	9	8.424.000	
58	Lầu Thị Cá	02/09/2017	936.000	9	8.424.000	
59	Giàng Xuân Chá	01/12/2017	936.000	9	8.424.000	
60	Vàng A Dếnh	18/03/2017	936.000	9	8.424.000	
61	Vàng A Dơ	04/10/2017	936.000	9	8.424.000	
62	Vừ Thị Dợ	13/10/2017	936.000	9	8.424.000	
63	Vừ Thị Dợ	30/10/2017	936.000	9	8.424.000	
64	Vừ Minh Dục	02/12/2017	936.000	9	8.424.000	
65	Lý Seo Đoàn	30/07/2017	936.000	9	8.424.000	
66	Giàng Minh Hoàn	09/05/2017	936.000	9	8.424.000	
67	Giàng A Linh	15/11/2017	936.000	9	8.424.000	
68	Và Thị Mo	08/09/2017	936.000	9	8.424.000	
69	Vừ A Nụ	16/06/2017	936.000	9	8.424.000	
70	Chá Khua Phụng	06/12/2017	936.000	9	8.424.000	
71	Vừ Minh Quân	08/02/2017	936.000	9	8.424.000	
72	Vừ Minh Quân	27/11/2017	936.000	9	8.424.000	
73	Hoàng Văn Quý	17/10/2017	936.000	9	8.424.000	
74	Vừ A Tân	25/11/2017	936.000	9	8.424.000	
75	Và Thị Ly Xi	25/10/2017	936.000	9	8.424.000	
76	Giàng Thị Gênh	20/10/2017	936.000	9	8.424.000	
77	Lầu Thị Húa	26/02/2017	936.000	9	8.424.000	
78	Vàng Thị Ngọc Linh	16/08/2017	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
79	Hạ Chi Na	04/08/2017	936.000	9	8.424.000	
80	Giàng Thanh Phành	20/02/2017	936.000	9	8.424.000	
81	Sùng Thị Phi	01/03/2017	936.000	9	8.424.000	
82	Hồ Tuấn Phong	08/11/2017	936.000	9	8.424.000	
83	Giàng T. Mai Phượng	25/11/2017	936.000	9	8.424.000	
84	Lâu Thị Súa	05/01/2017	936.000	9	8.424.000	
85	Giàng Thị Liên Thor	10/02/2017	936.000	9	8.424.000	
86	Hạ A Và	19/08/2017	936.000	9	8.424.000	
87	Giàng Thị Nga	11/04/2017	936.000	9	8.424.000	
88	Sùng A Cường	07/11/2016	936.000	9	8.424.000	
89	Sùng Thị Nhìn	26/10/2016	936.000	9	8.424.000	
90	Thao Thị Day	25/02/2016	936.000	9	8.424.000	
91	Sinh Thị Di	12/04/2016	936.000	9	8.424.000	
92	Hoàng A Phong	02/02/2016	936.000	9	8.424.000	
93	Vàng Thị Mai	25/10/2016	936.000	9	8.424.000	
94	Sinh Thị Hoa	06/08/2016	936.000	9	8.424.000	
95	Sùng Linh Đang	20/9/2016	936.000	9	8.424.000	
96	Vù Minh Tuyển	22/01/2016	936.000	9	8.424.000	
97	Khoàng Ngọc Bình	16/04/2016	936.000	9	8.424.000	
98	Vừ A Cộn	15/02/2016	936.000	9	8.424.000	
99	Vàng A Hạnh	21/04/2016	936.000	9	8.424.000	
100	Sùng Thị Minh Hồng	01/01/2016	936.000	9	8.424.000	
101	Sùng Thị Lia	12/10/2016	936.000	9	8.424.000	
102	Sùng A Ảnh	29/08/2016	936.000	9	8.424.000	
103	Vừ Thị Chi Ân	18/06/2016	936.000	9	8.424.000	
104	Sùng Thị Chua	04/04/2016	936.000	9	8.424.000	
105	Và Thị Cú	17/12/2016	936.000	9	8.424.000	
106	Vừ Thị Dính	22/03/2016	936.000	9	8.424.000	
107	Vàng A Dơ	08/06/2016	936.000	9	8.424.000	
108	Giàng A Hạnh	11/06/2016	936.000	9	8.424.000	
109	Vừ A Hòa	27/07/2016	936.000	9	8.424.000	
110	Vừ A Lý	04/04/2016	936.000	9	8.424.000	
111	Vừ A Lý	15/08/2016	936.000	9	8.424.000	
112	Vừ Thị Mai	12/01/2016	936.000	9	8.424.000	
113	Vừ Thị Mi	22/02/2016	936.000	9	8.424.000	
114	Giàng Thị Nhi	10/10/2016	936.000	9	8.424.000	
115	Hoàng Thị Pà	28/09/2016	936.000	9	8.424.000	
116	Lù Mỹ Phong	08/09/2016	936.000	9	8.424.000	
117	Vàng A Phúc	03/02/2016	936.000	9	8.424.000	
118	Vừ Thị Phương	01/10/2016	936.000	9	8.424.000	
119	Giàng A Phừ	18/06/2016	936.000	9	8.424.000	
120	Sùng Vinh Quang	03/04/2016	936.000	9	8.424.000	
121	Và Thị Yến Si	12/08/2016	936.000	9	8.424.000	
122	Giàng A Sơn	24/07/2016	936.000	9	8.424.000	
123	Ly Thị Tênh	12/04/2016	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
124	Vàng A Thu	28/04/2016	936.000	9	8.424.000	
125	Vừ A Tú	12/02/2016	936.000	9	8.424.000	
126	Vừ A Tuấn	26/07/2016	936.000	9	8.424.000	
127	Sùng A Xê	31/01/2016	936.000	9	8.424.000	
128	Vừ A Xứ	05/09/2016	936.000	9	8.424.000	
129	Sùng A Nam	06/06/2013	936.000	9	8.424.000	
130	Lường Tùng Bách	26/10/2016	936.000	9	8.424.000	
131	Vàng Thị Dợ	29/06/2016	936.000	9	8.424.000	
132	Cứ Thị Dung	23/05/2016	936.000	9	8.424.000	
133	Vàng Thị Đênh	10/10/2016	936.000	9	8.424.000	
134	Lầu Thị Dí	13/05/2016	936.000	9	8.424.000	
135	Sùng Công Đoàn	26/03/2016	936.000	9	8.424.000	
136	Vàng A Hạ	15/02/2016	936.000	9	8.424.000	
137	Vừ Lan Lý	03/08/2016	936.000	9	8.424.000	
138	Và Duy Mạnh	20/11/2016	936.000	9	8.424.000	
139	Sùng A Nam	30/03/2016	936.000	9	8.424.000	
140	Vừ Thị Nénh	25/05/2016	936.000	9	8.424.000	
141	Vàng A Phênh	17/03/2016	936.000	9	8.424.000	
142	Hoàng Xuân Phúc	02/10/2016	936.000	9	8.424.000	
143	Vàng A Toán	10/02/2016	936.000	9	8.424.000	
144	Vừ Thị Tân	13/10/2016	936.000	9	8.424.000	
145	Sùng A Thắng	08/08/2016	936.000	9	8.424.000	
146	Thào Thị Thi	24/02/2016	936.000	9	8.424.000	
147	Hồ Du Thiên	05/12/2016	936.000	9	8.424.000	
148	Sùng Thị Lan Thu	15/04/2016	936.000	9	8.424.000	
149	Sùng Ngọc Bích Thủy	20/12/2016	936.000	9	8.424.000	
150	Lầu A Văn	16/08/2016	936.000	9	8.424.000	
151	Hoàng Thị Vi	18/02/2016	936.000	9	8.424.000	
152	Giàng Thị Xía	08/10/2016	936.000	9	8.424.000	
153	Vàng Thị Xuân	19/05/2016	936.000	9	8.424.000	
154	Sùng A Tuấn	17/05/2016	936.000	9	8.424.000	
155	Vừ A Dì	08/02/2016	936.000	9	8.424.000	
156	Giàng Thị Sinh	25/05/2016	936.000	9	8.424.000	
157	Giàng A Chải	22/06/2016	936.000	9	8.424.000	
158	Lầu Thị Chanh	02/6/2016	936.000	9	8.424.000	
159	Giàng Thị Chi	07/01/2016	936.000	9	8.424.000	
160	Hạ Thị Đỡ	14/07/2016	936.000	9	8.424.000	
161	Lầu Thanh Đào	11/11/2016	936.000	9	8.424.000	
162	Hạ Thị Hòa	11/08/2016	936.000	9	8.424.000	
163	Lầu Thị Mai Hương	13/12/2016	936.000	9	8.424.000	
164	Lầu A Khánh	30/01/2016	936.000	9	8.424.000	
165	Hà Thị Liên	24/06/2016	936.000	9	8.424.000	
166	Cư Ngọc Linh	14/05/2016	936.000	9	8.424.000	
167	Hạ Thị My	28/08/2016	936.000	9	8.424.000	
168	Giàng A Phông	08/04/2016	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
169	Hà Kim Thương	17/02/2016	936.000	9	8.424.000	
170	Lâu A Trị	06/07/2016	936.000	9	8.424.000	
171	Lâu Ngọc Tú	10/09/2016	936.000	9	8.424.000	
172	Vừ A Tuấn	01/02/2016	936.000	9	8.424.000	
173	Lâu A Vui	06/07/2016	936.000	9	8.424.000	
174	Lâu Thị Xia	09/12/2016	936.000	9	8.424.000	
175	Giàng Văn Liên	29/08/2016	936.000	9	8.424.000	
176	Vàng Văn Ngọc	27/07/2016	936.000	9	8.424.000	
177	Vàng Thị Ong	01/02/2016	936.000	9	8.424.000	
178	Lý Xuân Phong	27/11/2016	936.000	9	8.424.000	
179	Vàng A Phồng	28/10/2016	936.000	9	8.424.000	
180	Vàng A Thánh	06/04/2016	936.000	9	8.424.000	
181	Vàng A Tuấn	08/10/2016	936.000	9	8.424.000	
182	Giàng Thị Yến	14/09/2016	936.000	9	8.424.000	
183	Vàng Thúy Phượng	09/02/2016	936.000	9	8.424.000	
184	Vừ A Sang	07/09/2016	936.000	9	8.424.000	
185	Giàng A Sơn	18/12/2015	936.000	9	8.424.000	
186	Trương Mỹ Nhi	29/04/2015	936.000	9	8.424.000	
187	Vàng Văn Dương	15/09/2015	936.000	9	8.424.000	
188	Sùng Thị Vân Chúc	10/06/2015	936.000	9	8.424.000	
189	Hạng Thị Xi	20/06/2015	936.000	9	8.424.000	
190	Pờ Lò Mé	04/01/2015	936.000	9	8.424.000	
191	Lý Lế Xó	21/03/2015	936.000	9	8.424.000	
192	Giàng Thị Xuân	15/01/2015	936.000	9	8.424.000	
193	Sùng A Viên	09/06/2015	936.000	9	8.424.000	
194	Thào A Thiã	06/06/2015	936.000	9	8.424.000	
195	Sinh Thị Gư	08/04/2015	936.000	9	8.424.000	
196	Vàng Văn Kinh	05/06/2015	936.000	9	8.424.000	
197	Vừ Thị Hai	28/04/2015	936.000	9	8.424.000	
198	Sùng T. Kim Hiền	15/04/2015	936.000	9	8.424.000	
199	Vừ Thị Vũa	07/08/2015	936.000	9	8.424.000	
200	Hoàng Thiên Tân	12/06/2015	936.000	9	8.424.000	
201	Mùa A Cừ	18/06/2015	936.000	9	8.424.000	
202	Giàng Thị Dí	05/04/2015	936.000	9	8.424.000	
203	Vừ Thị Dia	04/12/2015	936.000	9	8.424.000	
204	Vàng Chí Dưa	05/10/2015	936.000	9	8.424.000	
205	Vàng Thị Dung	05/3/2015	936.000	9	8.424.000	
206	Vừ A Đại	26/09/2015	936.000	9	8.424.000	
207	Giàng Thị Hoa	19/12/2015	936.000	9	8.424.000	
208	Vừ Thị Lĩa	09/07/2015	936.000	9	8.424.000	
209	Vàng A Long	12/9/2015	936.000	9	8.424.000	
210	Sùng Chí Mạnh	06/04/2015	936.000	9	8.424.000	
211	Vừ Xa Nhi	04/10/2015	936.000	9	8.424.000	
212	Hoàng Văn Ngọc	01/02/2015	936.000	9	8.424.000	
213	Sùng.T.Phương Ngọc	02/07/2015	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
214	Giàng Thị Pào	18/05/2015	936.000	9	8.424.000	
215	Lầu A Sơn	14/11/2015	936.000	9	8.424.000	
216	Vàng Thị Sung	28/03/2015	936.000	9	8.424.000	
217	Hoàng Quang Thanh	10/03/2015	936.000	9	8.424.000	
218	Ly Văn Toán	22/04/2015	936.000	9	8.424.000	
219	Khoàng Hùng Anh	23/09/2015	936.000	9	8.424.000	
220	Lý Quốc Hưng	21/04/2015	936.000	9	8.424.000	
221	Lý Sơn Hải	14/6/2015	936.000	9	8.424.000	
222	Hoàng Thị Dừa	16/5/2015	936.000	9	8.424.000	
223	Vàng A Câu	20/6/2015	936.000	9	8.424.000	
224	Vàng Thị Xi	28/7/2015	936.000	9	8.424.000	
225	Vàng Thị Xuân	24/6/2015	936.000	9	8.424.000	
226	Sùng A Thong	23/07/2015	936.000	9	8.424.000	
227	Hạ Thị Thu	01/05/2015	936.000	9	8.424.000	
228	Và A Cống	09/08/2015	936.000	9	8.424.000	
229	Sùng Thị Chu	20/03/2015	936.000	9	8.424.000	
230	Giàng Thị Chung	28/12/2015	936.000	9	8.424.000	
231	Vàng Thị Đế	23/05/2015	936.000	9	8.424.000	
232	Giàng Thành Đô	13/08/2015	936.000	9	8.424.000	
233	Vừ Thị Đình	13/03/2015	936.000	9	8.424.000	
234	Giàng Thị Hậu	19/06/2015	936.000	9	8.424.000	
235	Giàng Thị Phương Hoa	14/07/2015	936.000	9	8.424.000	
236	Và Minh Hùng	19/04/2015	936.000	9	8.424.000	
237	Vừ Thị Thu Hương	14/08/2015	936.000	9	8.424.000	
238	Và A Ki	29/11/2015	936.000	9	8.424.000	
239	Giàng Thị La	01/01/2015	936.000	9	8.424.000	
240	Tráng Trí Linh	26/08/2015	936.000	9	8.424.000	
241	Vừ A Nénh	03/03/2015	936.000	9	8.424.000	
242	Giàng Thị Bích Phượng	15/12/2015	936.000	9	8.424.000	
243	Sùng Thị Sinh	14/03/2015	936.000	9	8.424.000	
244	Hoàng Thanh Sơn	04/03/2015	936.000	9	8.424.000	
245	Cứ A Thành	05/08/2015	936.000	9	8.424.000	
246	Sùng Chung Thủy	24/10/2015	936.000	9	8.424.000	
247	Giàng A Vũ	04/04/2015	936.000	9	8.424.000	
248	Phá A An	29/05/2015	936.000	9	8.424.000	
249	Giàng Thị Bầu	30/03/2015	936.000	9	8.424.000	
250	Hạ Thị Chi	05/07/2015	936.000	9	8.424.000	
251	Hạ Thị Di	28/07/2015	936.000	9	8.424.000	
252	Sùng Thị Dia	07/06/2015	936.000	9	8.424.000	
253	Phá Thị Du	03/12/2015	936.000	9	8.424.000	
254	Lầu A Lý	22/09/2015	936.000	9	8.424.000	
255	Hạ A Quan	15/08/2015	936.000	9	8.424.000	
256	Phá A Quý	08/07/2015	936.000	9	8.424.000	
VII. TRƯỜNG PTDTBT THCS LENG SU SÌN					1.852.344.000	
1	Thào Thị Cá	10/02/2014	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
2	Thào A Cửa	11/02/2014	936.000	9	8.424.000	
3	Vừ Thị Dĩa	07/06/2014	936.000	9	8.424.000	
4	Vàng A Đình	20/03/2014	936.000	9	8.424.000	
5	Lù A Dũng	15/02/2014	936.000	9	8.424.000	
6	Vàng Thị Dung	01/09/2013	936.000	9	8.424.000	
7	Hạng A Hải	16/08/2024	936.000	9	8.424.000	
8	Hạ May Hồng	14/03/2014	936.000	9	8.424.000	
9	Giàng Thị Lan	08/05/2014	936.000	9	8.424.000	
10	Lâu A Lữ	25/08/2014	936.000	9	8.424.000	
11	Lý Linh Mai	23/10/2024	936.000	9	8.424.000	
12	Giàng Thị Nhi	08/03/2024	936.000	9	8.424.000	
13	Vàng Thị Nhì	06/04/2014	936.000	9	8.424.000	
14	Hạ A Phình	29/07/2014	936.000	9	8.424.000	
15	Hạng Thị Sai	12/02/2014	936.000	9	8.424.000	
16	Sùng Thị Sua	24/07/2014	936.000	9	8.424.000	
17	Vàng Văn Thành	19/02/2014	936.000	9	8.424.000	
18	Lâu A Tóa	27/10/2014	936.000	9	8.424.000	
19	Vừ A Toán	17/03/2014	936.000	9	8.424.000	
20	Hà Thị Trang	12/02/2014	936.000	9	8.424.000	
21	Lâu Thị Y Vân	15/08/2014	936.000	9	8.424.000	
22	Hạ A Xênh	01/04/2014	936.000	9	8.424.000	
23	Giàng A Tuấn Anh	03/04/2014	936.000	9	8.424.000	
24	Lâu Thị Bầu	15/06/2014	936.000	9	8.424.000	
25	Lý Hòa Bình	26/07/2014	936.000	9	8.424.000	
26	Và Thị Linh Chi	27/02/2014	936.000	9	8.424.000	
27	Hoàng Văn Chung	05/01/2014	936.000	9	8.424.000	
28	Vàng Thị Chứ	01/01/2014	936.000	9	8.424.000	
29	Vừ A Cửa	03/09/2014	936.000	9	8.424.000	
30	Vàng A Cừ	27/04/2014	936.000	9	8.424.000	
31	Ma Seo Dề	21/10/2014	936.000	9	8.424.000	
32	Vừ Bả Đế	14/06/2014	936.000	9	8.424.000	
33	Giàng Thị Dợ	20/01/2014	936.000	9	8.424.000	
34	Giàng A Du	18/07/2014	936.000	9	8.424.000	
35	Lâu Thị Đan	19/08/2014	936.000	9	8.424.000	
36	Và A Giổng	08/03/2014	936.000	9	8.424.000	
37	Giàng A Hanh	31/10/2014	936.000	9	8.424.000	
38	Vàng A Hiếu	02/12/2014	936.000	9	8.424.000	
39	Khoảng Phi Hùng	19/10/2014	936.000	9	8.424.000	
40	Sùng Siêu Hùng	04/01/2014	936.000	9	8.424.000	
41	Lâu A Hử	02/07/2014	936.000	9	8.424.000	
42	Giàng Thị Kía	11/05/2014	936.000	9	8.424.000	
43	Vừ Thị Kinh	08/08/2014	936.000	9	8.424.000	
44	Vàng A Lu	28/10/2014	936.000	9	8.424.000	
45	Vừ Thị Nhị	07/05/2014	936.000	9	8.424.000	
46	Vàng Đa Nía	09/07/2014	936.000	9	8.424.000	
47	Sùng Thị Phương	26/10/2014	936.000	9	8.424.000	
48	Vàng Phi Rung	28/03/2014	936.000	9	8.424.000	
49	Vàng A Sen	05/07/2014	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
50	Giàng A Sơn	09/01/2014	936.000	9	8.424.000	
51	Giàng Thị Thảo	29/11/2014	936.000	9	8.424.000	
52	Mùa A Triều	16/06/2014	936.000	9	8.424.000	
53	Sùng A Tủa	08/05/2014	936.000	9	8.424.000	
54	Sùng Minh Tuấn	05/07/2014	936.000	9	8.424.000	
55	Và Thị Hoa Xuân	06/12/2014	936.000	9	8.424.000	
56	Lầu Thị Chi	30/07/2013	936.000	9	8.424.000	
57	Sùng Cao Dũng	13/09/2013	936.000	9	8.424.000	
58	Lầu A Giải	29/04/2013	936.000	9	8.424.000	
59	Sùng Thị Hoa	10/10/2013	936.000	9	8.424.000	
60	Vừ Thị Hồng Nhung	05/11/2013	936.000	9	8.424.000	
61	Cứ Thị Nủ	19/11/2013	936.000	9	8.424.000	
62	Giàng Thị Xía	01/02/2013	936.000	9	8.424.000	
63	Hạ Kim Xuyên	08/08/2013	936.000	9	8.424.000	
64	Sùng Đại Phong	25/3/2013	936.000	9	8.424.000	
65	Ma Seo Áo	15/05/2013	936.000	9	8.424.000	
66	Giàng Thị Chanh	14/04/2013	936.000	9	8.424.000	
67	Vừ A Cống	10/02/2013	936.000	9	8.424.000	
68	Chá Á Di - Sín Thầu	07/01/2013	936.000	9	8.424.000	
69	Sùng Thị Dợ	22/09/2013	936.000	9	8.424.000	
70	Vừ Thị Dợ	28/10/2013	936.000	9	8.424.000	
71	Lý Thị Dung	02/08/2013	936.000	9	8.424.000	
72	Vàng Thị Dung	28/05/2013	936.000	9	8.424.000	
73	Sùng Thị Hóa	20/08/2013	936.000	9	8.424.000	
74	Giàng Thị Hứa	22/07/2012	936.000	9	8.424.000	
75	Sùng A Long	10/02/2013	936.000	9	8.424.000	
76	Lý Seo Lữ	28/10/2013	936.000	9	8.424.000	
77	Thào A Nụ	20/10/2013	936.000	9	8.424.000	
78	Và Thiên Ôn	26/06/2013	936.000	9	8.424.000	
79	Sùng Thị Pa	12/10/2012	936.000	9	8.424.000	
80	Vừ A Sanh	17/12/2013	936.000	9	8.424.000	
81	Vừ Thị Si	18/10/2013	936.000	9	8.424.000	
82	Hoàng Thị Sinh	29/01/2013	936.000	9	8.424.000	
83	Sùng Thị Sứ	09/06/2013	936.000	9	8.424.000	
84	Giàng Thị Thạch	12/04/2013	936.000	9	8.424.000	
85	Vàng A Thắng	20/02/2013	936.000	9	8.424.000	
86	Hạng Thị Tòng	12/05/2013	936.000	9	8.424.000	
87	Vàng A Tría	05/12/2013	936.000	9	8.424.000	
88	Sùng A Tuấn	10/03/2013	936.000	9	8.424.000	
89	Lầu Thị Xuân	30/08/2013	936.000	9	8.424.000	
90	Vừ Ngọc Xuân	29/09/2013	936.000	9	8.424.000	
91	Giàng A Biên	05/08/1013	936.000	9	8.424.000	
92	Giàng A Cảnh	17/05/1013	936.000	9	8.424.000	
93	Giàng Thị Chi	23/06/2013	936.000	9	8.424.000	
94	Hạ Thị Com	10/06/2013	936.000	9	8.424.000	
95	Vàng A Công	07/01/2013	936.000	9	8.424.000	
96	Hờ A Đế	25/08/2013	936.000	9	8.424.000	
97	Giàng Thị Đông	23/02/2013	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
98	Vừ Thị Dưa	04/09/2013	936.000	9	8.424.000	
99	Hồ Thị Dung	15/09/2013	936.000	9	8.424.000	
100	Vàng Thị Dung	15/03/2013	936.000	9	8.424.000	
101	Sùng Kim Dương	15/05/2013	936.000	9	8.424.000	
102	Và Thị Hoa	16/10/2013	936.000	9	8.424.000	
103	Sùng Phin Hùng	24/07/2013	936.000	9	8.424.000	
104	Vừ A Hừ	30/12/2013	936.000	9	8.424.000	
105	Sùng A Kính	25/09/2013	936.000	9	8.424.000	
106	Giàng Thị Làng	13/10/2013	936.000	9	8.424.000	
107	Giàng Thị Ly	15/04/2013	936.000	9	8.424.000	
108	Vàng Duy Lương	06/01/2013	936.000	9	8.424.000	
109	Vừ A Mạnh	04/07/2013	936.000	9	8.424.000	
110	Vàng A Mạnh	12/03/2013	936.000	9	8.424.000	
111	Vừ Thị Nánh	18/02/2013	936.000	9	8.424.000	
112	Hoàng Sơn Ni	18/01/2013	936.000	9	8.424.000	
113	Vàng Thị Phương	07/12/2013	936.000	9	8.424.000	
114	Vàng Thị Súa	06/07/2013	936.000	9	8.424.000	
115	Giàng Duy Tân	14/09/2013	936.000	9	8.424.000	
116	Giàng A Thắng	27/12/2013	936.000	9	8.424.000	
117	Giàng A Thương	15/08/2013	936.000	9	8.424.000	
118	Hoàng A Tính	15/07/2013	936.000	9	8.424.000	
119	Vừ A Trình	13/10/2013	936.000	9	8.424.000	
120	Phá Thị Xuân	17/04/2013	936.000	9	8.424.000	
121	Lý Sinh Công	07/11/2012	936.000	9	8.424.000	
122	Vàng Thị Danh	01/01/2012	936.000	9	8.424.000	
123	Vàng Thị Dợ	12/10/2012	936.000	9	8.424.000	
124	Giàng Thị May Hồng	02/08/2012	936.000	9	8.424.000	
125	Giàng A Kính	17/01/2012	936.000	9	8.424.000	
126	Và Thị Mai	04/03/2012	936.000	9	8.424.000	
127	Vàng A Mễnh	12/9/2012	936.000	9	8.424.000	
128	Sùng Thị Ngân	22/12/2012	936.000	9	8.424.000	
129	Giàng Thị Pè	30/4/2012	936.000	9	8.424.000	
130	Vàng A Phình	28/08/2012	936.000	9	8.424.000	
131	Lầu A Sinh	05/11/2012	936.000	9	8.424.000	
132	Ma Thị Sính	12/9/2012	936.000	9	8.424.000	
133	Sùng Thị Súa	06/3/2012	936.000	9	8.424.000	
134	Vàng A Súa	06/12/2012	936.000	9	8.424.000	
135	Giàng Thị Sùng	06/9/2012	936.000	9	8.424.000	
136	Lầu A Tính	24/9/2012	936.000	9	8.424.000	
137	Lý Seo Trường	06/6/2012	936.000	9	8.424.000	
138	Chang Thanh Trường	07/5/2012	936.000	9	8.424.000	
139	Lý Ngọc Tuấn	22/2/2012	936.000	9	8.424.000	
140	Hà Thị Vĩ	09/8/2012	936.000	9	8.424.000	
141	Giàng Thị Ấa	15/3/2012	936.000	9	8.424.000	
142	Giàng Khánh Dơ	07/10/2012	936.000	9	8.424.000	
143	Vừ Thị Giai	02/8/2012	936.000	9	8.424.000	
144	Thào A Hải	07/01/2012	936.000	9	8.424.000	
145	Sùng A Hạnh	03/01/2012	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
146	Hạ Thị Hoa	14/6/2012	936.000	9	8.424.000	
147	Vàng A Khánh	07/09/2012	936.000	9	8.424.000	
148	Sùng A Nam	02/06/2012	936.000	9	8.424.000	
149	Tráng Thị Minh Ngọc	22/10/2012	936.000	9	8.424.000	
150	Và Thị Nhung	01/01/2012	936.000	9	8.424.000	
151	Và Thị Nu	12/8/2012	936.000	9	8.424.000	
152	Vàng A Phình	24/01/2012	936.000	9	8.424.000	
153	Vừ A Phong	02/02/2012	936.000	9	8.424.000	
154	Giàng Thị Phóng	26/11/2012	936.000	9	8.424.000	
155	Giàng Thị Phương	12/7/2012	936.000	9	8.424.000	
156	Và Mạnh Quang	13/7/2012	936.000	9	8.424.000	
157	Và A Sần	30/12/2012	936.000	9	8.424.000	
158	Lầu Thị Sinh	13/9/2012	936.000	9	8.424.000	
159	Lầu Thị Sinh	06/6/2012	936.000	9	8.424.000	
160	Hoàng Thị Súa	08/12/2012	936.000	9	8.424.000	
161	Vừ Thị Súa	14/8/2012	936.000	9	8.424.000	
162	Hoàng Ngọc Thành	05/4/2012	936.000	9	8.424.000	
163	Mùa A Thành	18/5/2012	936.000	9	8.424.000	
164	Hạ A Thành	22/3/2012	936.000	9	8.424.000	
165	Vừ A Thi	22/3/2012	936.000	9	8.424.000	
166	Vừ Thị Trang	21/5/2012	936.000	9	8.424.000	
167	Sùng A Tuấn	23/6/2012	936.000	9	8.424.000	
168	Vàng A Tùng	22/3/2012	936.000	9	8.424.000	
169	Vàng Thị Vừ	20/6/2012	936.000	9	8.424.000	
170	Vừ Thị Xía	10/12/2012	936.000	9	8.424.000	
171	Vàng A Vi	02/7/2012	936.000	9	8.424.000	
172	Và Trung Vừ	11/7/2012	936.000	9	8.424.000	
173	Sùng A Chau	26/6/2011	936.000	9	8.424.000	
174	Mùa Thị Chi	15/6/2011	936.000	9	8.424.000	
175	Giàng A Chua	25/11/2011	936.000	9	8.424.000	
176	Sùng Thị Cú	17/5/2011	936.000	9	8.424.000	
177	Vừ Thị Day	31/12/2011	936.000	9	8.424.000	
178	Giàng A Dế	19/11/2011	936.000	9	8.424.000	
179	Vừ A Dung	28/7/2011	936.000	9	8.424.000	
180	Vàng A Gấu	01/10/2010	936.000	9	8.424.000	
181	Vàng A Kính	20/02/2011	936.000	9	8.424.000	
182	Giàng Thị Lia	18/04/2011	936.000	9	8.424.000	
183	Sùng Thị Lia	13/7/2011	936.000	9	8.424.000	
184	Lầu A Luôn	30/4/2011	936.000	9	8.424.000	
185	Giàng A Mong	01/3/2011	936.000	9	8.424.000	
186	Giàng A Nụ	16/10/2011	936.000	9	8.424.000	
187	Sùng Đại Phong	25/3/2013	936.000	8	7.488.000	
188	Vàng A Tiên	18/9/2011	936.000	9	8.424.000	
189	Cư Văn Tiến	17/9/2011	936.000	9	8.424.000	
190	Hoàng A Tuấn	27/9/2011	936.000	9	8.424.000	
191	Giàng Thị Vừ	14/4/2011	936.000	9	8.424.000	
192	Hạng Chín Phong	28/3/2011	936.000	9	8.424.000	
193	Vừ A Công	18/3/2011	936.000	9	8.424.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (đồng)	Ghi chú
194	Lầu A Đa	15/4/2011	936.000	9	8.424.000	
195	Lầu Thị Di	02/7/2011	936.000	9	8.424.000	
196	Lầu Thị Di	21/7/2011	936.000	9	8.424.000	
197	Sùng Thị Dia	18/3/2011	936.000	9	8.424.000	
198	Hoàng Mùa Dinh	05/11/2011	936.000	9	8.424.000	
199	Vàng Thị Dung	27/7/2011	936.000	9	8.424.000	
200	Giàng A Đức	13/12/2011	936.000	9	8.424.000	
201	Vàng A Giàng	14/8/2011	936.000	9	8.424.000	
202	Hờ A Hào	15/8/2011	936.000	9	8.424.000	
203	Hoàng Chê Hi	13/8/2011	936.000	9	8.424.000	
204	Vừ Thị Kỷ	17/01/2011	936.000	9	8.424.000	
205	Vàng Thị Lại	11/12/2011	936.000	9	8.424.000	
206	Lầu Duy Mạnh	19/8/2011	936.000	9	8.424.000	
207	Lầu Thị Mít	05/01/2011	936.000	9	8.424.000	
208	Vừ A Mông	03/10/2011	936.000	9	8.424.000	
209	Phá Thị Nguyên	11/5/2011	936.000	9	8.424.000	
210	Giàng Thị Nhung	05/5/2011	936.000	9	8.424.000	
211	Vàng A Phánh	07/4/2011	936.000	9	8.424.000	
212	Vừ Thị Phương	17/11/2011	936.000	9	8.424.000	
213	Vàng A Sanh	02/4/2011	936.000	9	8.424.000	
214	Mùa A Se	07/11/2011	936.000	9	8.424.000	
215	Vừ Thị Si	24/8/2011	936.000	9	8.424.000	
216	Giàng Thị Súa	16/8/2011	936.000	9	8.424.000	
217	Vừ Thị Thảo	09/11/2011	936.000	9	8.424.000	
218	Sùng A Thống	12/10/2011	936.000	9	8.424.000	
219	Vừ A Ti	06/9/2011	936.000	9	8.424.000	
220	Hạ Thị Xim	30/12/2011	936.000	9	8.424.000	
Tổng cộng					5.807.016.000	

Bảng chữ: Năm tỷ tám trăm linh bảy triệu không trăm mười sáu nghìn đồng